TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 44/2025/HS-ST.
Ngày: 29 - 5 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị May.
2. Bà Nguyễn Thị Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trác Dương và ông Trần Văn Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng D, sinh ngày: 06/7/1967 tại Thôn LX, xã GiT *(nay là xã GiPh)*, huyện GiL, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn LX, xã GiT *(nay là xã GiPh)*, huyện GiL, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công chức xã; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn LX. Hiện tại, bị cáo đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 83-QĐ/UBKTHU ngày 22/5/2024 và tiếp tục bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 96- QĐ/UBKTHU ngày 07/5/2025 của Uỷ ban kiểm tra Huyện uỷ GiL; con ông: Nguyễn Hoàng N *(đã chết)* và bà Nguyễn Thị L *(đã chết);* Vợ: chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1973; bị cáo có 02 con, lớn - sinh năm: 1992, nhỏ - sinh năm: 2002; Gia đình có 06 chị em, bị cáo là thứ năm; tiền án, tiền sự: không; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2024, đến ngày 24/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày: 17/5/1983 tại Thôn PhT, xã GiT *(nay là xã GiPh)*, huyện GiL, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn PhT, xã GiT *(nay là xã GiPh)*, huyện GiL, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Trưởng thôn PhT; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch:

Việt Nam; Chức vụ, Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Bí thư Chi bộ thôn PhT. Hiện tại, bị cáo đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 84-QĐ/UBKTHU ngày 22/5/2024 và tiếp tục bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 97- QĐ/UBKTHU ngày 07/5/2025 của Uỷ ban kiểm tra Huyện uỷ GiL; con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1954 và bà Tăng Thị Ch, sinh năm: 1958; Vợ: chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1980; Bị cáo có 02 con, lớn - sinh năm: 2013, nhỏ - sinh năm: 2017; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ ba; tiền án, tiền sự: không. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/5/2024, đến ngày 24/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, hiện đang tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Hương Qu, sinh ngày: 16/10/2004 tại huyện HH, tỉnh NĐ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố ĐB, thị trấn YĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đại Gi, sinh năm: 1977 và bà Lê Thị H; sinh năm: 1984; Bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/02/2025 đến nay tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm: 1960.
2. Chị Vũ Thị Th, sinh năm: 1966.
3. Anh Lê Thanh C, sinh năm: 1968.
4. Chị Đàm Thị H, sinh năm: 1969.
5. Chị Lê Thị H, sinh năm: 1984.
6. Chị Phùng Thị Hải Y, sinh năm: 2003.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời điểm năm 2018 và 2019, Nguyễn Hoàng D là Trưởng Công an xã GiT và Nguyễn Văn H là Phó trưởng Công an xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương cùng được phân công quản lý nhân khẩu có nhiệm vụ cấp Sổ hộ khẩu, tờ khai Căn cước công dân *(viết tắt CCCD)* trên địa bàn xã GiT, huyện GiL. Lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, D và H đã có hành vi làm, cấp giấy tờ giả là Tờ khai CCCD, Sổ hộ khẩu cho một số công dân không phải người địa phương, chưa đủ 18 tuổi bằng hình thức thay đổi năm sinh của những người này. Sau khi có được giấy tờ giả trên, những công dân này sử dụng để đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp CCCD, Hộ chiếu với thông tin giả để xuất cảnh trái phép ra nước ngoài để sinh sống và lao động, cụ thể như sau:

1. Chị Phùng Thị Hải Y, sinh ngày 06/11/2003, trú tại: 99 Trần Quang D, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Đầu năm 2018, chị Y chưa đủ 16 tuổi, có nguyện vọng muốn xuất cảnh sang MC - Trung Quốc để sinh sống và lao động. Thông qua người quen đang

sinh sống tại MC - Trung Quốc giới thiệu, khoảng tháng 03/2018, có người đàn ông khoảng 40 tuổi, hiện chưa rõ tên, địa chỉ, liên hệ với gia đình chị Y và nhận làm giấy tờ để chị Y xuất cảnh. Người này được chị Y cung cấp thông tin cá nhân: Phùng Thị Hải Y, sinh ngày 06/11/2003, bố là Phùng Tất Th, sinh năm 1972; mẹ là Vũ Vân A, sinh năm 1976. Đến ngày 26/3/2018, có 01 người đàn ông đến Công an xã GiT gặp D đề nghị cấp 01 Sổ hộ khẩu hộ gia đình có tên: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972, là chủ hộ; vợ là Vũ Thị A, sinh năm 1975; con là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 06/11/1999; đăng ký hộ khẩu thường trú *(viết tắt là HKTT)* tại Thôn PhT, xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương và 01 Tờ khai CCCD cho chị Nguyễn Thị Y. D biết rõ trên địa bàn thôn PhT, xã GiT không có hộ gia đình nào có nhân khẩu như trên nhưng vẫn đồng ý làm và thoả thuận chi phí hết 200.000 đồng. Sau đó, D sử dụng Quyển Sổ hộ khẩu số 270616638, được Công an huyện GiL cấp, ghi thông tin hộ gia đình trên vào Sổ hộ khẩu, đề ngày cấp là 12/4/2016. D viết tiếp Tờ khai CCCD với thông tin theo Sổ hộ khẩu vừa viết rồi dán ảnh chị Y do người đàn ông đưa và viết phần xác nhận của Công an xã. Người đàn ông đưa cho D 200.000 đồng. D cầm tiền. Sau đó, D cầm quyển Sổ hộ khẩu số 270616638 và Tờ khai CCCD của người tên Nguyễn Thị Y đưa cho H để H ký và đóng dấu Công an xã GiT. Mặc dù, H biết rõ trên địa bàn thôn PhT, xã GiT không có hộ gia đình nào có nhân khẩu như trong Sổ hộ khẩu và Tờ khai CCCD nhưng H vẫn ký cấp Sổ hộ khẩu và ký, đóng dấu Tờ khai CCCD. Thời điểm ghi ngày cấp Sổ hộ khẩu là ngày 12/4/2016 nhưng ngày 18/11/2016, H mới được bổ nhiệm chức danh Phó Trưởng Công an xã GiT. Số tiền 200.000 đồng, D sử dụng cá nhân hết.

Cũng trong ngày 26/3/2018, người đàn ông liên hệ qua Messenger và đưa chị Y đến Công an huyện GiL để làm thủ tục cấp CCCD với bộ hồ sơ tên: Nguyễn Thị Y; sinh ngày 06/11/1999; nơi thường trú: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Ngày 29/3/2018, chị Y được cấp 01 CCCD số 030199004758. Đến ngày 30/3/2018, người đàn ông đưa chị Y đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hải Dương *(gọi tắt là PV01)* đề nghị cấp Hộ chiếu. Đến ngày 03/4/2018, chị Y được cấp 01 Hộ chiếu số C4875007, có thời hạn đến ngày 03/4/2028. Ngày 28/6/2018, chị Y sử dụng hộ chiếu trên để xuất cảnh sang MC - Trung Quốc và ngày 30/3/2019 nhập cảnh vào Việt Nam qua cửa khẩu Sân bay quốc tế NB. Đến tháng 05/2023, chị Y đến Công an thành phố HD làm CCCD thì bị phát hiện trùng dữ liệu hồ sơ với người tên Nguyễn Thị Y. Ngày 11/10/2023, chị Y có đơn gửi Công an huyện GiL đề nghị xóa dữ liệu sai. Qua xác minh, thu thập các tài liệu, vụ việc được phát hiện.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL tiến hành thu giữ tại Phòng Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Hải Dương *(gọi tắt là PC06)* bộ hồ sơ xin cấp CCCD đối với công dân tên Nguyễn Hải Y, sinh ngày 06/11/1999, trong đó có tờ khai CCCD.

Tại Bản Kết luận giám định số 74 ngày 23/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "Công an xã GiT- Công an H.GiL - T.Hải Dương" trên Tờ khai CCCD mang tên Nguyễn Thị Y là thật.

- Chữ ký tại phần "TM. CÔNG AN XÃ GIT" trên trên Tờ khai CCCD mang tên Nguyễn Thị Y với chữ ký của Nguyễn Văn H là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết tay tại phần nội dung và phần "XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN XÃ" trên Tờ khai CCCD với chữ viết của Nguyễn Hoàng D là do cùng một người viết ra.

2. Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2004, nơi thường trú: Tổ dân phố ĐB, thị trấn YĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Khoảng đầu tháng 04/2019, Qu có nhu cầu xuất cảnh sang MC -Trung Quốc nhưng gia đình không đồng ý do Qu chưa đủ 16 tuổi. Qu tự tìm, liên lạc và cung cấp thông tin cá nhân cho 01 người đàn ông không nhớ tên, tuổi, địa chỉ để làm thủ tục, giấy tờ giúp Qu xuất cảnh sang MC -Trung Quốc. Đầu tháng 05/2019, có 01 người đàn ông đến Công an xã GiT gặp D đề nghị cấp 01 Sổ hộ khẩu và Tờ khai CCCD cho người tên Lê Hương Qu, có ngày tháng năm sinh là 16/10/2000, mục đích để đi làm CCCD. D biết rõ tại địa phương không có người tên Lê Hương Qu nhưng vẫn đồng ý cấp và thoả thuận chi phí hết 200.000 đồng. Sau đó, D tìm 01 Sổ hộ khẩu số 55 cũ đã thu hồi, có thông tin chủ hộ là Lê Thanh C, sinh năm 1968; vợ là Đàm Thị H, sinh năm 1969; con là Lê Thị Th, sinh ngày 24/7/1988. Sau đó, Dương viết thêm tên Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2000, nơi đăng ký HKTT: Thôn PhT, xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, là con chủ hộ, rồi ký tên đóng dấu Công an xã GiT, ngày cấp trùng ngày trong sổ là 20/9/2006. Thời điểm này, D là Phó trưởng Công an xã nên đã dùng dấu chức danh Phó Công an xã cũ của mình đóng vào. Sau đó, D đưa Sổ hộ khẩu cho người đàn ông. Đến ngày 09/5/2019, người đàn ông quay lại Công an xã GiT, cầm Sổ hộ khẩu số 55 gặp D đề nghị cấp Tờ khai CCCD cho Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2000. D đưa tờ khai cho người này tự viết và dán ảnh của Qu. Sau đó, D viết phần nội dung xác nhận của Công an xã tại tờ khai CCCD rồi ký tên đóng dấu Công an xã GiT. D đưa Sổ hộ khẩu, Tờ khai CCCD cho người đàn ông. Người này đưa cho D số tiền 200.000 đồng. Số tiền này, D sử dụng cá nhân hết.

Cũng trong ngày 09/5/2019, người đàn ông đưa cho Qu bộ hồ sơ, trong đó có Sổ hộ khẩu số 55 và Tờ khai CCCD tên Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2000, để Qu đến Công an huyện GiL đề nghị cấp CCCD. Ngày 13/05/2019, Qu được cấp CCCD số 030300009419 với tên tuổi, địa chỉ là Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2000, HKTT: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Ngày 22/5/2019, Qu sử dụng CCCD trên cùng một số giấy tờ khác đến Phòng PV01 Công an tỉnh Hải Dương đề nghị cấp Hộ chiếu. Ngày 29/5/2019, Qu đã được cấp 01 quyển Hộ chiếu số: C7486655 với thông tin giả năm sinh như trên. Từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/10/2024, 20 lần Qu sử dụng Hộ chiếu trên để xuất cảnh sang MC - Trung Quốc, Campuchia và nhập cảnh vào Việt Nam. Trong đó có 03 lần, Qu chưa đủ 16 tuổi; 17 lần Qu đã đủ 16 tuổi. Đến ngày 29/10/2024, Qu cầm theo Sổ hộ khẩu số 55 (bản gốc) và 01 CCCD số 030300009419 (bản gốc) đến Công an xã GiT để làm thủ tục cấp đổi CCCD thì bị phát hiện thông tin của 02 tài liệu trên có dấu hiệu bị làm giả.

Vật chứng thu giữ:

- Lê Hương Qu tự nguyện giao nộp Hộ chiếu số: C7486655; 01 CCCD số 030300009419, đều mang tên Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2004 và 01 Sổ hộ khẩu số 55.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL thu giữ, quản lý tại Phòng PC06 Công an tỉnh Hải Dương bộ hồ sơ đề nghị cấp CCCD cho Qu, trong đó có tờ khai CCCD.

Tại Bản kết luận giám định số: 01/KL-KTHS ngày 26/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương *(Gọi tắt là KLGĐ số 01)*, kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG AN H. GIL - T. HẢI DƯƠNG CÔNG AN XÃ GIA TÂN" trên Tờ khai CCCD mang tên Lê Hương Qu, là thật.

- Chữ viết tại phần "XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN XÃ" và Chữ ký đứng tên Trưởng Công an xã Nguyễn Hoàng D tại phần "TM. CÔNG AN XÃ", trên Tờ khai CCCD mang tên Lê Hương Qu, với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Hoàng D là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết ở phần nội dung; Chữ ký đứng tên Phó Công an Nguyễn Hoàng D, trên Sổ hộ khẩu số 55 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Hoàng Dương là do cùng một người viết ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "C.H.X.H.C.N VIỆT NAM C.A.H. GIL T. HẢI DƯƠNG CA XÃ GIT" trên Sổ hộ khẩu số 55 với hình dấu tròn trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số: 10290/KL-KTHS ngày 20/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương, kết luận:

- Hộ chiếu số C7486655 mang tên Lê Hương Qu, ngày cấp 29/05/2019 là Hộ chiếu thật *(gồm mẫu in, hình dấu, chữ ký)*.

- CCCD số 030300009419 mang tên Lê Hương Qu, ngày cấp 13/05/2019 cần giám định là CCCD thật.

* Thông qua công tác rà soát, khắc phục hồ sơ trùng sinh trắc, trùng thông tin và trùng số định danh, Công an huyện TY, tỉnh Bắc Giang đã có công văn trao đổi với Công an huyện GiL về việc có 02 bộ hồ sơ bị trùng với hồ sơ thu nhận CCCD tại tỉnh Hải Dương, cụ thể: Hồ sơ của công dân Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/12/1977, đăng ký HKTT: Thôn HV, xã SV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang, trùng vân tay và ảnh mặt với hồ sơ thông tin: Lê Thị H, sinh ngày 10/8/1975, đăng ký HKTT: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Hồ sơ của công dân Bùi Thị T, sinh ngày 05/10/1972, đăng ký HKTT: Thôn LS, xã NgV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang, trùng vân tay và ảnh mặt với hồ sơ thông tin: Tăng Thị H, sinh ngày: 05/10/1976, đăng ký HKTT: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Qua điều tra các bị cáo Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội như sau:

3. Đối với người tên Tăng Thị H, sinh ngày 05/10/1976.

Ngày 21/11/2018, có 01 người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đến Công an xã GiT gặp D đề nghị cấp Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho người không phải người địa phương. D đồng ý và thống nhất thu 150.000 đồng chi phí. Người này đồng ý. Sau đó, D lấy 01 quyển Sổ hộ khẩu mới số 270634162 đưa

cho người này, bảo viết ngày cấp sổ là ngày 02/02/2017. Sau đó, người đàn ông tự viết thông tin Sổ hộ khẩu: Chủ hộ là Vũ Đình S, sinh năm 1969; vợ là Tăng Thị H, sinh ngày 05/10/1976; con là Vũ Đình S, sinh năm 1995 và Vũ Thị Hương, sinh năm 2000; cùng có quê quán: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương; Nơi thường trú: Đội 6, thôn PhT, xã GiT, huyện GiL. Sau đó, người đàn ông đưa ảnh của người tên Tăng Thị H cho D. D viết thông tin Tờ khai CCCD theo Sổ hộ khẩu cho người tên Tăng Thị H, rồi dán ảnh. Sau đó, D đưa cho H 01 Sổ hộ khẩu và 01 Tờ khai CCCD để H ký. Mặc dù, H biết rõ trên địa bàn thôn PhT, xã GiT không có hộ gia đình nào có nhân khẩu như trong Sổ hộ khẩu và Tờ khai CCCD trên nhưng H vẫn ký cấp Sổ hộ khẩu và ký, đóng dấu Tờ khai CCCD. Sau khi làm xong, D đưa cho người đàn ông 01 Sổ hộ khẩu số 270634162 và 01 Tờ khai CCCD. Người đàn ông đưa cho D số tiền 150.000 đồng. Số tiền này, D sử dụng cá nhân hết.

Ngày 21/11/2018, người khai tên là Tăng Thị H đã cầm Tờ khai CCCD, Sổ hộ khẩu cùng một số giấy tờ khác đến Công an huyện GiL đề nghị cấp CCCD. Ngày 11/12/2018, người này đã được cấp CCCD số 030176006078, mang tên Tăng Thị H, sinh ngày: 05/10/1976, quê quán: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký HKTT: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL thu giữ, quản lý tại Phòng PC06 Công an tỉnh Hải Dương bộ hồ sơ đề nghị cấp CCCD cho Tăng Thị H, trong đó có tờ khai CCCD.

Tại Kết luận giám định số 204/KL-KTHS ngày 31/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương *(Gọi tắt là KLGĐ số 204)*, kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG AN H. GIL –T. HẢI DƯƠNG CÔNG AN XÃ GIT" trên Tờ khai CCCD mang tên Tăng Thị H là thật.

- Chữ ký tại phần "TM. CÔNG AN XÃ" trên Tờ khai CCCD mang tên Tăng Thị H với chữ ký của Nguyễn Văn H là do cùng một người ký ra.

4. Đối với người tên Lê Thị H, sinh ngày 10/8/1975.

Ngày 12/8/2019, có 01 người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đến Công an xã GiT gặp D đề nghị cấp Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho người tên Lê Thị H, sinh ngày 10/8/1975. D biết rõ tại địa phương không có người tên Lê Thị H có nhân khẩu như trên nhưng vẫn đồng ý cấp và thoả thuận chi phí hết 100.000 đồng. Sau đó, D lấy 01 Sổ hộ khẩu cũ số 18, có thông tin chủ hộ là Vũ Văn D, sinh năm 1960; con là Vũ Mạnh Th sinh năm 1986; rồi viết thêm thông tin của Lê Thị H vào trang thừa của Sổ hộ khẩu, quê quán tại xã GiT, huyện GiL, có quan hệ là vợ của chủ hộ rồi ký tên, đóng dấu chức danh Phó trưởng Công an xã; đóng dấu tròn của Công an xã, đề ngày cấp là 20/7/2007. Đối với Tờ khai CCCD, người đàn ông cung cấp thông tin người tên H có bố là Lê Văn V; mẹ là Nguyễn Thị H, để D viết nội dung tờ khai. Sau đó, D đưa Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho H và bảo H ký, đóng dấu Công an xã GiT. H đọc và xác định tại xã GiT, có hộ gia đình nhà ông Vũ Văn D, sinh năm 1960 nên nghĩ người tên Lê Thị H là vợ ông D có đề nghị xác nhận để cấp CCCD, thấy Tờ khai CCCD được viết đầy đủ và dán ảnh nên tin tưởng D đã kiểm tra kỹ nên Hiệp đã viết xác nhận, ký và đóng dấu vào Tờ khai CCCD rồi đưa lại Sổ hộ khẩu và Tờ

khai CCCD cho D. D đưa Sổ hộ khẩu, Tờ khai CCCD cho người đàn ông. Người này đưa cho D số tiền 100.000 đồng. Số tiền này, D sử dụng cá nhân hết. Trong ngày 12/8/2019, người tên Lê Thị H đã cầm Tờ khai CCCD, Sổ hộ khẩu cùng một số giấy tờ khác đến Công an huyện GiL đề nghị cấp CCCD. Ngày 20/08/2019, người này đã được cấp CCCD số 030175006615, mang tên Lê Thị H, sinh ngày: 10/08/1975, quê quán: xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, nơi đăng ký HKTT: xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL thu giữ, quản lý tại Phòng PC06 Công an tỉnh Hải Dương bộ hồ sơ đề nghị cấp CCCD cho Lê Thị H, trong đó có tờ khai CCCD.

Tại KLGĐ số 204, kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG AN H. GIL –T. HẢI DƯƠNG CÔNG AN XÃ GIT" trên Tờ khai CCCD mang tên Lê Thị H là thật.

- Chữ viết tại nội dung và phần "XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN XÃ" và Chữ ký tại phần "TM. CÔNG AN XÃ" trên Tờ khai CCCD mang tên Lê Thị H với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn H là do cùng một người viết ra.

* Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn H tự khai báo hành vi giả mạo đối với trường hợp công dân có tên Nguyễn Văn A, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H. Quá trình điều tra xác định, trong tàng thư của Phòng PC06 Công an tỉnh Hải Dương có lưu trữ hồ sơ cấp CCCD của những người này, tuy nhiên trong quản lý nhân khẩu tại xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương không có tên những người này. Đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể của những người này. Hành vi cụ thể của D, H như sau:

5. Đối với người tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 10/10/1995.

Khoảng cuối tháng 6/2019, có 01 người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đến Công an xã GiT, huyện GiL gặp D đề nghị cấp Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho người tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 10/10/1995, mục đích để làm CCCD. D biết rõ tại địa phương không có người tên Nguyễn Văn A có nhân khẩu như trên nhưng vẫn đồng ý cấp và thoả thuận chi phí hết 200.000 đồng. D tìm chọn 01 quyển Sổ hộ khẩu cũ không đề số, có chủ hộ là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; vợ là Vũ Thị Th, sinh năm 1965; con là Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, đều có nơi đăng ký HKTT: Thôn PhT, xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Sau đó, D viết thêm người có tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 10/10/1995 vào trang tiếp theo, quan hệ là con của chủ hộ, rồi ký tên đóng dấu Công an xã GiT; đề ngày cấp sổ trùng với ngày trong sổ là 08/01/2008. Thời điểm này, D là Phó trưởng Công an xã nên đã dùng dấu chức danh Phó Công an xã cũ của mình đóng vào và đóng dấu tròn Công an xã hiện tại. Sau đó, D đưa Sổ hộ khẩu cho người đàn ông này để đi làm thêm một số giấy tờ khác. Ngày 01/7/2019, người đàn ông quay lại Công an xã GiT gặp D để xin cấp Tờ khai CCCD cho người tên Nguyễn Văn A. D cầm Sổ hộ khẩu đã cấp, viết các thông tin người tên Nguyễn Văn A vào phần nội dung và phần xác nhận của Công an xã. Sau đó, D đưa Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho H để ký, đóng dấu Công an xã GiT. H đọc và xác định tại thôn PhT, xã GiT có hộ gia đình nhà ông H, bà Th nên nghĩ người tên Nguyễn Văn A là con của

ông H; thấy Tờ khai CCCD được viết đầy đủ và dán ảnh nên tin tưởng D đã kiểm tra kỹ nên H đã ký và đóng dấu vào Tờ khai CCCD rồi đưa lại Sổ hộ khẩu và Tờ khai CCCD cho D. D đưa Sổ hộ khẩu, Tờ khai CCCD cho người đàn ông. Người này đưa cho D số tiền 200.000 đồng. Số tiền này, D sử dụng cá nhân hết. Ngày 01/07/2019, người tên Nguyễn Văn A đã cầm Tờ khai CCCD, Sổ hộ khẩu cùng một số giấy tờ khác đến Công an huyện GiL để đề nghị cấp CCCD. Ngày 25/7/2019, người này đã được cấp CCCD số 030095004746, mang tên Nguyễn Văn A, sinh ngày: 10/10/1995, quê quán, nơi đăng ký HKTT: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

6. Đối với người tên Phạm Thị H, sinh ngày 12/4/1993.

Ngày 02/4/2018, có 01 người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đến Công an xã GiT, huyện GiL gặp D đề nghị cấp Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho người tên: Phạm Thị H, sinh ngày 12/4/1993; có bố là Phạm Văn Th, sinh năm 1967; có mẹ là Đỗ Thị A, sinh năm 1973; đều ở xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. D biết rõ tại địa phương không có người tên Phạm Thị H có nhân khẩu như trên nhưng vẫn đồng ý cấp và thoả thuận chi phí hết 200.000 đồng. Sau đó, D tự tay viết Tờ khai CCCD, dán ảnh giáp lai và viết thông tin gia đình người tên H vào quyển Sổ hộ khẩu mới số 270620805, viết đăng ký HKTT tại thôn PhT, xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, ngày cấp sổ là 12/8/2015. D ký tên, đóng dấu Công an xã GiT. Sau khi làm xong, D đưa lại Sổ hộ khẩu, Tờ khai CCCD cho người đàn ông. Người này đưa cho D số tiền 200.000 đồng. D chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 02/4/2018, người khai tên là Phạm Thị H đã cầm Tờ khai CCCD, Sổ hộ khẩu cùng một số giấy tờ khác đến Công an huyện GiL đề nghị cấp CCCD. Ngày 05/4/2018, người này đã được cấp CCCD số 030193002857, mang tên Phạm Thị H, sinh ngày: 12/04/1993, quê quán: xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, nơi đăng ký HKTT: Thôn PhT, xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

7. Đối với người tên: Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 29/5/1992.

Ngày 19/6/2018, có 01 người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đến Công an xã GiT, huyện GiL gặp Dương đề nghị cấp Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho người tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 29/5/1992; có bố tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960; có mẹ tên Bùi Thị Nh, sinh năm 1963; có chồng tên Phạm Văn T, sinh năm 1985. D biết rõ tại địa phương không có người tên Nguyễn Thị Ph có nhân khẩu như trên nhưng vẫn đồng ý cấp và thoả thuận chi phí hết 150.000 đồng. Sau đó, D đưa Tờ khai CCCD rồi hướng dẫn người đàn ông viết nội dung tờ khai. D lấy 01 quyển Sổ hộ khẩu mới số 270616657 và trực tiếp ghi thông tin: Chủ hộ là Phạm Văn T; vợ là Nguyễn Thị Ph và tên một người con của chị Ph, lấy HKTT tại thôn PhT, xã GiT, huyện GiL. D ký tên vào Sổ hộ khẩu, đề ngày cấp sổ là 10/6/2014. Sau đó, D đưa Tờ khai CCCD nhờ H viết nội dung xác nhận, ký tên, đóng dấu Công an xã; nhờ H đóng dấu Sổ hộ khẩu. Mặc dù, H biết rõ trên địa bàn thôn PhT, xã GiT không có hộ gia đình nào có nhân khẩu như trong Sổ hộ khẩu và Tờ khai CCCD nhưng H vẫn ký cấp Sổ hộ khẩu và ký, đóng dấu Tờ khai CCCD. Sau khi làm xong, D đưa cho người đàn ông 01 Sổ

hộ khẩu số 270616657 và 01 Tờ khai CCCD. Người đàn ông đưa cho D số tiền 150.000 đồng. Số tiền này, D sử dụng cá nhân hết.

Ngày 19/6/2018, người khai tên là Nguyễn Thị Ph đã cầm Tờ khai CCCD, Sổ hộ khẩu cùng một số giấy tờ khác đến Công an huyện GiL đề nghị cấp CCCD. Ngày 21/6/2018, người này đã được cấp CCCD số 030192002846, mang tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày: 29/05/1992, quê quán: xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, nơi đăng ký HKTT: Thôn PhT, xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

8. Đối với người tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/5/1987.

Ngày 21/01/2019, có 01 người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đến Công an xã GiT, huyện GiL gặp D đề nghị cấp Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho người tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/5/1987. D biết rõ tại địa phương không có người tên Nguyễn Văn H có nhân khẩu như trên nhưng vẫn đồng ý cấp và thoả thuận chi phí hết 200.000 đồng. Sau đó, D đưa 01 Tờ khai CCCD; 01 quyển Sổ hộ khẩu mới số 270655832 và hướng dẫn người đàn ông tự viết với nội dung thông tin: Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/5/1987; có bố là Nguyễn Văn Th; có mẹ là Lê Thị V; có vợ là Hà Thị M. Viết Sổ hộ khẩu cho anh H là chủ hộ, ngày cấp sổ là 10/3/2016. Sau đó, D ký tên, đóng dấu Công an xã vào Sổ hộ khẩu và Tờ khai căn cước. Sau khi làm xong, D đưa lại cho người đàn ông. Người này đưa cho D số tiền 200.000 đồng. Số tiền này, D chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 29/01/2019, người tên là Nguyễn Văn H đã cầm theo Tờ khai CCCD, Sổ hộ khẩu cùng một số giấy tờ khác đến Công an huyện GiL đề nghị cấp CCCD. Ngày 01/02/2019, người này đã được cấp CCCD số 030087009048, mang tên Nguyễn Văn H, sinh ngày: 15/05/1987, quê quán: xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, nơi đăng ký HKTT: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lộc thu giữ, quản lý tại Phòng PC06 Công an tỉnh Hải Dương bộ hồ sơ đề nghị cấp CCCD cho Nguyễn Văn A, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, trong đó có tờ khai CCCD.

Tại KLGĐ số 01, kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG AN H. GIL –T. HẢI DƯƠNG CÔNG AN XÃ GIT" trên Tờ khai CCCD mang tên Nguyễn Văn A, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, là thật.

- Chữ viết tại nội dung và phần "XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN XÃ" và Chữ ký đứng tên Phó trưởng công an Nguyễn Văn H tại phần "TM. CÔNG AN XÃ", trên Tờ khai CCCD mang tên Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị Ph với chữ viết chữ ký của Nguyễn Văn H là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết tại nội dung và phần "XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN XÃ" và Chữ ký đứng tên Trưởng Công an xã Nguyễn Hoàng D tại phần "TM. CÔNG AN XÃ", trên Tờ khai CCCD mang tên Phạm Thị H, Nguyễn Văn H, với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Hoàng D là do cùng một người ký ra.

Về vật chứng:

- 01 Sổ hộ khẩu số 55; 01 CCCD số 030300009419; 01 Hộ chiếu số: C7486655, đều mang tên Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2004, là chứng cứ chứng minh tội phạm đang được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 09 bộ hồ sơ cấp CCCD: Sau khi thực hiện việc trưng cầu giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL đã đề nghị sao lưu 09 bộ hồ sơ để lưu trong hồ sơ vụ án và trả lại 09 bộ hồ sơ trên cho Phòng PC06 Công an tỉnh Hải Dương để lưu trữ theo quy định.

- Tổng số tiền 1.400.000 đồng, được niêm phong trong 02 bì thư, lần lượt ký hiệu là số 07/CAGL ngày 03/6/2024 và số 04/CAGL ngày 13/02/2025, do bị cáo Nguyễn Hoàng D tự nguyện giao nộp, là tiền thu lời bất chính từ việc cấp Tờ khai CCCD cho 08 người, hiện đang được tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện GiL cần chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện GiL để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận giám định nêu trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKSGL ngày 20 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Nguyễn Văn H về tội: *"Giả mạo trong công tác"*. Bị cáo Nguyễn Hoàng D bị truy tố theo điểm a khoản 3 Điều 359 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn H bị truy tố theo điểm b, c khoản 2 Điều 359 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Hương Qu bị truy tố về tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Nguyễn Văn H về tội: *"Giả mạo trong công tác";* bị cáo Nguyễn Hoàng D bị truy tố theo điểm a khoản 3 Điều 359 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn H bị truy tố theo điểm b, c khoản 2 Điều 359 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Hương Qu bị truy tố về tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: *"Giả mạo trong công tác";* bị cáo Lê Hương Qu phạm tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".* Về hình phạt chính: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 359; điểm s, r, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoàng D; áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 359; điểm s, r, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H; điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 đối với bị cáo Lê Hương Qu.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng D từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, được trừ 01 tháng 09 ngày tạm giữ *(từ ngày 15/5/2024 đến ngày 24/6/2024)*. Bị cáo còn phải chấp hành 04 năm 10 tháng 21 ngày tù đến 05 năm 04 tháng 21 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, được trừ 01 tháng 09 ngày tạm giữ *(từ ngày 15/5/2024 đến ngày 24/6/2024)*. Bị cáo còn phải chấp hành 02 năm 04 tháng 21 ngày tù đến 02 năm 10 tháng 21 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hương Qu từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/02/2025.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với cả ba bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu trong hồ sơ vụ án 01 Sổ hộ khẩu số 55; 01 CCCD số 030300009419; 01 Hộ chiếu số: C7486655 đều mang tên Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2004. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.400.000đ *(Một triệu bốn trăm ngàn đồng)* được đựng trong phong bì số: 07/CAGL ngày 03/6/2024 và phong bì số: 04/CGL ngày 13/02/2025, đã niêm phong dán kín *(có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện GiL, tỉnh Hải Dương ngày 04/4/2025).* Về án phí: áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Văn H và Lê Hương Qu, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu điều tra khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, Nguyễn Hoàng D, chức vụ là Trưởng Công an xã và Nguyễn Văn H chức vụ là Phó trưởng Công an xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, vì vụ lợi và động cơ cá nhân đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được pháp luật cho phép quản lý nhân khẩu, có nhiệm vụ cấp Sổ hộ khẩu, Tờ khai CCCD trên địa bàn xã GiT. D đã có hành vi làm, cấp 09 giấy tờ giả, trong đó 08 giấy tờ giả là Tờ khai CCCD cho Phùng Thị Hải Y, Lê Hương

Qu, Tăng Thị H, Lê Thị H, Nguyễn Văn A, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H và 01 giấy tờ giả là Sổ hộ khẩu số 55 cho Lê Hương Qu; đều không phải là những người có nhân khẩu và sinh sống trên địa bàn xã GiT để những người này sử dụng để đề nghị cấp CCCD, Hộ chiếu. Hiệp biết rõ các công dân không có nhân khẩu và sinh sống trên địa bàn xã GiT vì nể nang vẫn đồng ý ký và đóng dấu cho D làm, cấp 05 giấy tờ giả là Tờ khai CCCD cho công dân Phùng Thị Hải Y, Nguyễn Thị Ph, Tăng Thị H, Lê Thị H, Nguyễn Văn A. Tổng số tiền D được hưởng lợi là 1.400.000đ *(Một triệu bốn trăm ngàn đồng)*.

Lê Hương Qu đã sử dụng Sổ hộ khẩu số 55 và Tờ khai CCCD với thông tin Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2000, nơi đăng ký HKTT: Thôn PhT, xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, giả về năm sinh và nơi cư trú để được cấp CCCD số 030300009419 và Hộ chiếu số: C7486655. Từ ngày 22/8/2019 đến ngày 22/10/2024, Qu sử dụng Hộ chiếu trên để xuất cảnh sang MC -Trung Quốc, Campuchia và nhập cảnh vào Việt Nam tổng cộng 20 lần, trong đó có 17 lần Qu đã đủ 16 tuổi.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Văn H và Lê Hương Qu là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo D và H nhận thức rõ tác hại của việc làm, cấp giấy tờ giả là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, động cơ cá nhân, nể nang nên đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được pháp luật cho phép quản lý nhân khẩu, có nhiệm vụ cấp Sổ hộ khẩu, Tờ khai Căn cước công dân trên địa bàn xã GiT, huyện GiL nên đã phạm tội. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL truy tố về tội: *"Giả mạo trong công tác",* bị cáo Nguyễn Hoàng D có hành vi làm, cấp 09 giấy tờ giả nên bị truy tố theo điểm a khoản 3 Điều 359 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Văn H là người có trách nhiệm lập hoặc cấp các giấy tờ, đã làm, cấp 05 giấy tờ giả nên bị truy tố theo điểm b, c khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Hương Qu sử dụng Hộ chiếu trên để xuất cảnh sang MC - Trung Quốc, Campuchia và nhập cảnh vào Việt Nam tổng cộng 20 lần, trong đó có 17 lần Qu đã đủ 16 tuổi nên bị truy tố về tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt là *"phạm tội 02 lần trở lên"* là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Văn H và Lê Hương Q là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo D và bị cáo H đã xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện quy trình xác nhận, cấp tờ khai Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu, ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức, làm cho cơ quan tổ chức bị suy yếu, mất uy tín. Hai bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là Trưởng Công an xã và Phó trưởng Công an xã đã làm và cấp giấy tờ giả là tờ khai Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu cho những người không có nhân khẩu và sinh sống trên địa bàn xã GiT để những người này sử dụng để đề nghị cấp Căn cước công dân, Hộ chiếu. Bị cáo D thu lời bất chính số tiền 1.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo Qu xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, của tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước, của tổ chức trong lĩnh vực quản lý về giấy tờ, tài liệu. Bị cáo đã sử dụng thông tin, giấy tờ giả về năm sinh và nơi cư trú để được cấp Căn cước công dân và Hộ chiếu để xuất cảnh sang các nước và nhập cảnh vào Việt

Nam như đã nêu trên. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án Giả mạo trong công tác, bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Nguyễn Văn H đều là người thực hành, bị cáo D giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo H có vai trò sau bị cáo D. Trong vụ án Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức, bị cáo Lê Hương Qu phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập. Về nhân thân của các bị cáo thì thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D và bị cáo H thực hiện hành vi làm, cấp tờ khai Căn cước công dân nhiều lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo D, H tự thú hành vi giả mạo đối với việc cấp Tờ khai Căn cước công dân cho người tên: Nguyễn Văn A, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H. Quá trình công tác, bị cáo Nguyễn Hoàng D nhiều năm *(năm 2005, năm 2011 và năm 2015)* được xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; năm 2009, được Ban chấp hành TW Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xét tặng Kỷ niệm chương Vì thế hệ trẻ; năm 2017, được Bộ Công an xét tặng Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ Quốc. Bị cáo Nguyễn Văn H được tặng Giấy khen của Ban chấp hành Đảng bộ xã GiT các năm 2020, 2021 vì có thành tích xuất sắc trong công tác. Bị cáo D và bị cáo H đều ủng hộ quỹ vì người nghèo và nhiều năm tình nguyện hiến máu tại địa phương. Quá trình điều tra, bị cáo D tự nguyện giao nộp số tiền 1.400.000 đồng là tiền thu lời bất chính. Bị cáo Qu ủng hộ nhiều quỹ tại địa phương như quỹ Người nghèo, quỹ khuyến học, khuyến tài, ủng hộ thiên tai, lũ lụt, xây dựng các quỹ do địa phương phát động nhiều năm liền. Vì vậy, bị cáo D và H đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, r, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Qu được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo D, bị cáo H đều có ba tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy vẫn cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Đối với việc cấp Sổ hộ khẩu cho công dân tên Nguyễn Thị Y, Lê Thị H, Tăng Thị H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Phạm Thị H, Nguyễn Văn A: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL không thu giữ được Sổ hộ khẩu gốc nên không đủ căn cứ xác định tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Ngoài ra, Nguyễn

Hoàng D còn trình bày: Năm 2016, bị cáo còn cấp Tờ khai CCCD và Sổ hộ khẩu cho công dân tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/03/1976, nơi thường trú: Xã GiT, huyện GiL, tỉnh Hải Dương là người không có nhân khẩu tại địa phương. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được các tài liệu trên nên không đủ căn cứ xác định tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để xử lý đối với D.

Đối với hành vi của Lê Hương Qu sử dụng Tờ khai CCCD giả đề nghị cấp CCCD vào ngày 09/5/2019; sử dụng CCCD số 030300009419 để đi làm Hộ chiếu ngày 22/5/2019 và việc sử Hộ chiếu số: C7486655 để xuất nhập cảnh vào các ngày 22/8/2019, 25/01/2020, 08/02/2020; các thời điểm trên, bị cáo chưa đủ 16 tuổi nên hành vi không cấu thành tội phạm. Đến nay, cũng đã hết thời hiệu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với chị Phùng Thị Hải Y: Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để được cấp CCCD, Hộ chiếu, sau đó, sử dụng Hộ chiếu giả để xuất nhập cảnh. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, chị Y chưa đủ 16 tuổi nên hành vi không cấu thành tội phạm. Đến nay, cũng đã hết thời hiệu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với người đàn ông đến đề nghị D cấp Tờ khai CCCD, Sổ hộ khẩu, đến nay, không xác định được là ai, địa chỉ ở đâu. Đối với công dân có tên: Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Phạm Thị H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị H, đến nay, cũng chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Vì vậy, không đặt vấn đề xử lý.

Đối với chị Lê Thị H *(mẹ của Lê Hương Qu)* không biết việc Qu làm và sử dụng giấy tờ giả nên không đặt vấn đề xử lý. Đối với ông Phùng Tất Th, bà Vũ Vân A là bố mẹ của Phùng Thị Hải Y không liên quan đến việc chị Y làm và sử dụng Căn cước công dân giả, Hộ chiếu giả nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với người tên Nguyễn Thị U, đến nay chưa triệu tập được nên chưa có cơ sở để xác định hành vi vi phạm pháp luật của người này. Tuy nhiên, không ảnh hưởng đến việc xử lý hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Nguyễn Văn H.

Đối với chị Nguyễn Thị H và Bùi Thị T, quá trình làm việc đều thừa nhận việc nhờ người làm giấy tờ giả, trong đó có CCCD mục đích để xuất cảnh sang Đài Loan lao động. Trong đó, chị H được lấy thông tin người tên Lê Thị H, sinh năm 1975; chị T được lấy thông tin người tên Tăng Thị H, sinh năm 1976. Tuy nhiên, sau đó, chị H, chị T đều chưa nhận, chưa sử dụng CCCD giả và đều không nhớ người nhận làm giúp giấy tờ giả là ai, ở đâu. Vì vậy, không đặt vấn đề xử lý với chị H và chị T.

Đối với các đồng chí: Vũ Đức Qu, Nguyễn Thanh L, Vũ Văn C, Bùi Thành Đ và Bùi Trung H là cán bộ Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện GiL là những người đã trực tiếp tiếp nhận, làm thủ tục cấp Căn cước công dân cho các đối tượng Nguyễn Thị Y, Lê Thị H, Tăng Thị H, Lê Hương Qu, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Phạm Thị H, Nguyễn Văn A. Tuy nhiên, các đồng chí này đã không nhận diện được việc các đối tượng dùng tài

liệu giả để đi làm Căn cước công dân. Đó là do khách quan, không phải do nhận thức chủ quan của các đồng chí nói trên nên không đặt vấn đề xử lý.

Ngoài ra, trong vụ án này, còn xác định được trong 07 bộ hồ sơ đề nghị cấp CCCD của công dân tên Phùng Thị Hải Y, Tăng Thị H, Lê Thị H, Nguyễn Văn A, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H còn có một số loại giấy tờ được làm giả khác như: 07 Trích lục khai sinh *(bản sao);* 02 Trích lục kết hôn đối với công dân Nguyễn Văn H, Tăng Thị H; 01 Bằng tốt nghiệp THCS *(bản sao)* đối với công dân Lê Thị H. Quá trình điều tra không xác định được người làm giả, ngày làm giả các giấy tờ này nên các hành vi này đều cấu thành tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đến nay đều đã hết thời hiện truy cứu trách nhiệm hình sự, vì vậy không đặt vấn đề xử lý.

[6] Về hình phạt bổ sung: do đến nay, bị cáo D, H, Qu đều là lao động tự do, không có tài sản chung, tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo D và H.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Sổ hộ khẩu số 55; 01 CCCD số 030300009419; 01 Hộ chiếu số: C7486655, đều mang tên Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2004, là chứng cứ chứng minh tội phạm cần được lưu trong hồ sơ vụ án. Đối với 09 bộ hồ sơ cấp CCCD: Sau khi thực hiện việc trưng cầu giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL đã đề nghị sao lưu 09 bộ hồ sơ để lưu trong hồ sơ vụ án và trả lại 09 bộ hồ sơ trên cho Phòng PC06 Công an tỉnh Hải Dương để lưu trữ theo quy định nên không đặt ra giải quyết. Đối với tổng số tiền 1.400.000 đồng là tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội do bị cáo Nguyễn Hoàng D cấp Tờ khai CCCD cho 08 người cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm a khoản 3 Điều 359; điểm s, r, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoàng D.

Căn cứ vào: điểm b, c khoản 2 Điều 359; điểm s, r, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Hương Qu.

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1.Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội:*"Giả mạo trong công tác";* bị cáo Lê Hương Qu phạm tội:*"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng D năm 05 *(năm)* tù, được trừ 01 *(một)* tháng 09 *(chín)* ngày tạm giữ *(từ ngày 15/5/2024 đến ngày 24/6/2024)*. Bị cáo còn phải chấp hành 04 *(bốn)* năm 10 *(mười)* tháng 21 *(hai mươi mốt)* ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H 02 *(hai)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, được trừ 01 *(một)* tháng 09 *(chín)* ngày tạm giữ *(từ ngày 15/5/2024 đến ngày 24/6/2024)*. Bị cáo còn phải chấp hành 02 *(hai)* năm 04 *(bốn)* tháng 21 *(ngày)* tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hương Qu 02 *(hai)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/02/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Lưu trong hồ sơ vụ án 01 Sổ hộ khẩu số 55; 01 CCCD số 030300009419; 01 Hộ chiếu số: C7486655 đều mang tên Lê Hương Qu, sinh ngày 16/10/2004.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.400.000đ *(Một triệu bốn trăm ngàn đồng)* được đựng trong phong bì số: 07/CAGL ngày 03/6/2024 và phong bì số: 04/CGL ngày 13/02/2025, đã niêm phong dán kín *(có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện GiL, tỉnh Hải Dương ngày 04/4/2025).*

3. Về án phí: buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Văn H, Lê Hương Qu, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND huyện GiL;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện GiL;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thúy Hạnh